

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG QUẢN TRỊ RỪNG BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH



Nguồn: baolaocai.vn

NỘI DUNG CHÍNH

TRANG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
II. QUẢN TRỊ RỪNG, QUẢN TRỊ RỪNG TỐT: KHÁI NIỆM VÀ CÁCH TIẾP CẬN	2
III. VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG QUẢN TRỊ RỪNG Ở VIỆT NAM	5
IV. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH NHẪM TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG QUẢN TRỊ RỪNG	10
V. KẾT LUẬN	11
VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO	12



*Tài liệu này được nhóm chuyên gia **Nguyễn Phú Hùng**,*

***Nguyễn Ngọc Quang** và **Nguyễn Sỹ Linh** soạn thảo*

*với sự góp ý từ **Trần Thị Thuý Anh** – cán bộ chương trình của UN Women*

*và **Đoàn Vũ Thảo Ly** - Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR)*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ



Nguồn: baolabao.vn

Ngày nay phụ nữ và nam giới đều bình đẳng tham gia các hoạt động sản xuất và đời sống xã hội. Tuy nhiên mức độ tham gia và đóng góp của nam và nữ chưa được nhìn nhận công bằng. Điều này dẫn đến tình trạng phân biệt đối xử, ảnh hưởng đến quá trình phân công lao động, quyền tiếp cận và kiểm soát tài nguyên giữa nam giới và phụ nữ. Bên cạnh đó, hiểu biết về giới trong cộng đồng còn hạn chế, phần nhiều chịu ảnh hưởng từ các định kiến và chuẩn mực xã hội đã hình thành từ lâu.

Trong ngành lâm nghiệp, vai trò của phụ nữ chưa được chú trọng quan tâm, đặc biệt đối với phụ nữ ở vùng sâu vùng xa do định kiến từ xa xưa. Theo đó người phụ nữ chủ yếu phụ trách công việc nhà, chăm con và làm nương, rẫy. Họ ít có cơ hội được tham gia các cuộc họp mang tính quyết định cũng như nâng cao kiến thức về quản lý và bảo vệ rừng. Tuy nhiên, thực tế phụ nữ lại tham gia nhiều trong các hoạt động lâm nghiệp như trồng, chăm sóc, phục hồi rừng, khai thác lâm sản ngoài gỗ (ví dụ: thu hoạch măng, nấm, mây, tre và mật ong) cũng như tham gia trong công tác tuần tra bảo vệ rừng tại những khu vực được giao khoán bảo vệ, cụ thể là tại các khu vực được chi trả dịch vụ chi trả môi trường rừng. Bên cạnh đó, phụ nữ là lực lượng lao động chính trong các khâu sản xuất và chế biến sản phẩm gỗ tại các cơ sở sản xuất. Cụ thể, năm 2019, theo số liệu thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp (VNFOREST), Việt Nam có khoảng 5.400 doanh nghiệp chế biến gỗ, trong đó các doanh

nh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm 93%. Trong số 500.000 công nhân nữ làm việc trong lĩnh vực này, 55 - 60% là lao động dài hạn có tay nghề cao và 40 - 45% là lao động ngắn hạn có tay nghề thấp. Các doanh nghiệp chế biến gỗ thường sử dụng cả lao động dài hạn và lao động ngắn hạn dựa trên các công việc cụ thể và các kỹ năng liên quan (Theo số liệu thống kê của VNFOREST, Năm 2019). Tuy nhiên hiện nay chưa có đánh giá về đóng góp của lao động nữ trong chuỗi giá trị sản phẩm gỗ. Bên cạnh đó, vai trò của phụ nữ tham gia vào quá trình quản trị rừng như thế nào cũng được được các nghiên cứu đề cập. Vì vậy, vai trò của phụ nữ trong quản trị rừng cần được làm rõ để từ đó rà soát và đề xuất chính sách thúc đẩy, thừa nhận vai trò của họ trong quản lý, khai thác, sử dụng, phát triển và bảo vệ tài nguyên rừng nhằm hướng tới quản trị tốt và phát triển rừng bền vững ở Việt Nam.

Báo cáo này sẽ đưa ra một số minh chứng về sự tham gia của phụ nữ trong công tác bảo vệ và phát triển rừng nói chung và quản trị rừng bền vững nói riêng thông qua rà soát, tổng hợp và phân tích số liệu từ các báo cáo nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn trong triển khai các dự án của Trung tâm Phát triển Nông thôn bền vững (SRD). Báo cáo cũng đề xuất một số khuyến nghị chính sách về thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững, phù hợp với bối cảnh phát triển của ngành Lâm nghiệp ở Việt Nam.

Báo cáo là một trong những tóm tắt chính sách được xây dựng trong khuôn khổ dự án “Tăng cường quyền con người và bình đẳng giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu” (EmPower) do Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR) cùng Mạng lưới các Tổ chức phi chính phủ về biến đổi khí hậu ở Việt Nam thực hiện, với sự hỗ trợ của Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women).

II. QUẢN TRỊ RỪNG, QUẢN TRỊ RỪNG TỐT: KHÁI NIỆM VÀ CÁCH TIẾP CẬN



KHÁI NIỆM VỀ QUẢN TRỊ RỪNG

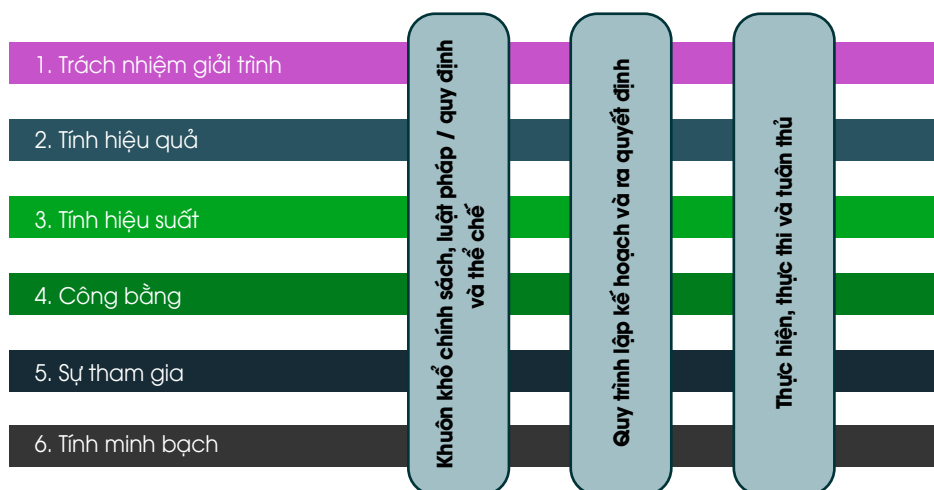
Quản trị rừng ngày càng được xem là yếu tố quan trọng trong sự thành công của ngành lâm nghiệp. Theo đó, để đạt quản trị rừng tốt cần trả lời ba câu hỏi sau: (i) Ai đưa ra quyết định? (ii) ai hưởng lợi? và (iii) quyết định được xây dựng như thế nào?

Quản trị rừng được hiểu là một tiến trình mang tính xã hội cao đòi hỏi trách nhiệm và sự tham gia không chỉ của chính quyền mà còn của nhiều bên liên quan khác ở tất cả các cấp. Điều này cho thấy ngoài các vấn đề mang tính kỹ thuật, việc tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là của người dân sống phụ thuộc vào rừng là vấn đề quan trọng giúp ngành lâm nghiệp phát triển bền vững.

Quản trị rừng vì vậy được hiểu là hệ thống các văn bản pháp lý, chương trình kế hoạch và hành động có tổ chức nhằm đạt được mục tiêu phát triển rừng bền vững mà các bên đặt ra.

- Đảm bảo các quá trình chính sách-quyết định có sự tham gia; xác định và giải quyết các lỗ hổng/điểm yếu của chính sách đã/sẽ ban hành;
- Giảm thiểu xung đột/rủi ro, hài hòa lợi ích trong quy hoạch: thúc đẩy quyền tiếp cận quản lý và sử dụng tài nguyên của các bên (quyền hưởng dụng);
- Tăng cường sự tham gia đầy đủ: Xã hội hóa (nguồn lực) từ doanh nghiệp, cộng đồng; cải thiện hiệu quả hợp tác/đồng quản lý rừng; bình đẳng giới;
- Chia sẻ lợi ích; phối hợp-lồng ghép các nguồn lực (hiệu quả hơn) trong lâm nghiệp, giảm nghèo, đầu tư-thương mại rừng;
- Tăng cường năng lực cho cơ quan quản lý, chủ rừng và các bên liên quan.
- Tăng cường tính hiệu quả của sử dụng nguồn lực xã hội thông qua các quá trình được minh bạch hóa trên toàn bộ các khâu từ xây dựng các văn bản pháp luật, các phương án quy hoạch và hiện thực và tuân thủ trong quá trình thực hiện.

Hiện nay, để quản trị rừng tốt, Tổ chức Nông Lương Thế giới (FAO) đã xác định 3 trụ cột chính gồm: (1) Khuôn khổ chính sách, pháp luật, các quy định và thể chế; (2) Quy trình lập kế hoạch và ra quyết định; (3) Thực hiện thực thi và tuân thủ, xuyên suốt 3 trụ cột này là 6 nguyên tắc bao gồm (i) Trách nhiệm giải trình, (ii) Tính hiệu quả; (iii) Tính hiệu suất; (iv) Công bằng; (v) Sự tham gia và (vi) Tính minh bạch.



Hình 1. Ba trụ cột và sáu nguyên tắc của Quản trị rừng tốt/hiệu quả

Trên thế giới, quản trị rừng tốt là chủ đề thu hút sự chú ý của nhiều bên liên quan, không riêng chính quyền hay cơ quan chuyên trách của nhà nước. Ở nước ta, quản trị rừng bắt đầu được quan tâm nhiều qua hai sáng kiến (i) Hiệp định đối tác tự nguyện về Thực thi lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) và (ii) Đánh giá quản trị rừng có sự tham gia (PGA) dưới sự hỗ trợ của chương trình Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng toàn cầu (UN-REDD).

III. VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG QUẢN TRỊ RỪNG Ở VIỆT NAM

3.1. TỔNG QUAN VỀ VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG LÂM NGHIỆP

Việt Nam đã ban hành các quy định pháp luật như pháp lệnh, luật và nghị định, các chiến lược và các chương trình quốc gia để trao quyền và cơ hội bình đẳng cho phụ nữ như Luật về Bình đẳng giới năm 2006, Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030¹ và Chương trình hành động quốc gia về Bình đẳng giới 2016 - 2020. Năm 2021 để nâng cao vai trò của phụ nữ Chính phủ Việt Nam đã Ban hành nghị quyết số 28/GQ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Các cơ quan Chính phủ đã được thành lập với mục đích xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến bình đẳng giới, lồng ghép giới và trao quyền cho phụ nữ. Vụ Bình đẳng giới thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) là cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện Luật. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ là cơ chế liên ngành với các ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tại tất cả các bộ, ngành, địa phương. Hội liên hiệp phụ nữ là cơ quan đại diện cho quyền lợi và tiếng nói của phụ nữ, với sự hiện diện ở tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương.

Trong ngành lâm nghiệp, Luật Lâm nghiệp 2017 quy định quyền tiếp cận bình đẳng đối với đất lâm nghiệp, sinh kế dựa vào rừng và quyền sở hữu đất đai. Khoản 7 Điều 14 của Luật điều chỉnh việc giao rừng, cho thuê, tái sử dụng và sở hữu rừng, đã nêu bật các nguyên tắc tham gia bình đẳng và không phân biệt giới tính. Luật cũng quy định quyền bình đẳng của phụ nữ trong tiếp cận thông tin về kế hoạch phát triển rừng, cơ hội việc làm, các vị trí quản lý và đào tạo chuyên nghiệp. Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020 ủng hộ nâng cao năng lực cho các cán bộ lâm nghiệp về lồng ghép giới và tích hợp giới trong giám sát lâm nghiệp.

Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2020 đã đưa ra các mục tiêu cụ thể đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ. Kế hoạch cũng đề ra mục tiêu đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ trong việc tham gia và thụ hưởng các hoạt động nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ngoài ra, bình đẳng giới cũng được thể hiện trong các văn bản pháp luật khác như Bộ luật Dân sự 2012, Luật Đất đai 2013, Luật Đăng ký bất động sản 2006, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2017.



Nguồn: hoilphn.org.vn

¹ <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/nghi-quyet-28-nq-cp-chien-luoc-quoc-gia-ve-binh-dang-gioi-giai-doan-2021-2030-199301-d1.html>

Bảng 1: Khung pháp lý và chính sách về bình đẳng giới ở Việt Nam

Phạm vi	Văn bản	Thời gian hiệu lực	Tóm tắt
Quốc tế	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)	1979	Hướng dẫn đánh giá các chính sách và chương trình hiện có từ góc độ giới cũng như xây dựng các chính sách mới nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ
Quốc tế	Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh	1995	Phác thảo tổng quát và lập kế hoạch nâng cao quyền của phụ nữ với 12 lĩnh vực quan trọng, bao gồm các công việc tốt và quyền của phụ nữ đối với đất đai và tài sản, sự tham gia của phụ nữ trong các chính sách công.
Quốc tế/ Quốc gia	Chương trình nghị sự vì sự phát triển bền vững 2030	2015	Mục tiêu 5: Cam kết bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ, trong số các mục tiêu khác, đảm bảo phụ nữ có quyền bình đẳng đối với các nguồn lực kinh tế, cũng như quyền làm chủ và quyền kiểm soát đất đai và tài sản, dịch vụ tài chính, thừa kế, tài nguyên thiên nhiên, v.v..
Quốc gia/ Ngành lâm nghiệp	Lệnh bình đẳng giới	2006	Đảm bảo quyền bình đẳng cho cả phụ nữ và nam giới trong tất cả các lĩnh vực và yêu cầu tất cả các bộ phải thể chế hóa giới tính trong chiến lược của họ. Điều 4: Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử dựa trên giới tính, tạo cơ hội bình đẳng cho cả hai giới trong phát triển kinh tế xã hội và phát triển con người của đất nước. Khoản 1, Điều 7: Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển. Khoản 1, Điều 13: Bình đẳng giới trong lao động, tuyển dụng, trả lương và điều kiện việc làm.
Quốc gia	Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020	2012	Đảm bảo bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần phát triển bền vững.
Quốc gia	Chiến lược Quốc gia Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 (Nghị Quyết số 28/NQ-CP 3/3/2021)	2021	Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.
Quốc gia	Kế hoạch số 1136/KH của Đoàn chủ tịch Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam	25/10/2021	Thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới với việc cụ thể hóa các hoạt động nhằm đảm bảo các mục tiêu về bình đẳng giới trong chiến lược được thực hiện đầy đủ là cơ sở pháp lý cho các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.
Quốc gia	Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới 2016 - 2020	2015	Thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực, ngành, khu vực và địa phương.
Quốc gia	Lệnh Lâm nghiệp 2017	2019	Khoản 7, Điều 14: Sự tham gia bình đẳng và không phân biệt đối xử dựa trên giới trong việc giao, cho thuê, tái sử dụng và sở hữu rừng. Cơ hội nghề nghiệp bình đẳng bao gồm công việc tốt và đào tạo chuyên nghiệp từ hỗ trợ của Chính phủ cho phụ nữ.
Quốc gia	Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006 -2020	2007	Nâng cao năng lực các vấn đề về giới cho cán bộ lâm nghiệp. Đầu tư cho các cơ quan chính quyền địa phương để lồng ghép giới và giám sát nhạy cảm về giới trong lâm nghiệp.

Nguồn: Báo cáo Thách thức và cơ hội của Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Việt Nam và liên minh Châu Âu (VPA) đối với phụ nữ và các tổ chức xã hội, SRD)

Để triển khai thực hiện công tác quản trị rừng trên cơ sở 3 trụ cột chính gồm (i) Các văn bản pháp lý như Luật, nghị định, thông tư; (ii) Kế hoạch, quy hoạch trụ và (iii) Hiệu lực và thực thi. Trong quá trình xây dựng các văn bản pháp luật theo Luật xây dựng các văn bản pháp luật, việc xây dựng Luật, Nghị định, Thông tư, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các phương án quy hoạch đều phải có thời gian xin ý kiến của các bên liên quan, trong đó có việc đưa lên các trang thông tin điện tử (websites) của các cơ quan quản lý ít nhất là 15 ngày, đây là cơ hội cho các tổ chức, người dân đóng góp ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật này. Đây cũng là cơ hội để phụ nữ tham gia cung cấp các ý kiến của mình về vấn đề liên quan đến quyền lợi, trách nhiệm của mình và lồng ghép giới trong các văn bản pháp luật có liên quan. Do vậy, lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp là giải pháp để thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù của mỗi giới; tạo cơ hội phát triển như nhau cho cả nam và nữ trong đời sống xã hội và gia đình; bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ.

*** Thách thức trong nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong quản lý rừng bền vững**

Mặc dù đã có những chính sách kể trên, phân biệt giới tính và phân biệt đối xử liên quan đến vấn đề giới vẫn tồn tại trong thực tế. Phụ nữ thường được nhắc đến như là người thu gom các sản phẩm từ rừng để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe gia đình, trong khi đàn ông thường tham gia khai thác gỗ và các hoạt động thương mại lâm sản khác. Vì vậy, cơ hội cho phụ nữ trong quá trình tham gia vào việc đưa các ý kiến và quyết định đến công việc có tính quyết định và đem lại lợi nhuận kinh tế từ rừng thường bị hạn chế. Do đặc điểm tâm sinh lý, phụ nữ phải mang thai, nuôi con nhỏ trong khi công việc của ngành lâm nghiệp đòi hỏi liên tục, thường xuyên và công việc diễn ra ngoài trời, trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt là thách thức lớn cho phụ nữ. Cũng do đặc điểm nữ giới ít tham gia các hoạt động xây dựng các văn bản pháp luật cho nên tiếng nói của phụ nữ trong các văn bản pháp luật còn rất hạn chế. Nhiều văn bản pháp luật mặc dù được xin ý kiến của các tổ chức xã hội, nhưng những ý kiến riêng của hội phụ nữ cho các văn bản này còn rất hạn chế.

3.2. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ RỪNG

Dù vai trò của phụ nữ đã được đề cập trong các luật và văn bản pháp luật dưới luật khác cũng như các chương trình thúc đẩy về công bằng và bình đẳng giới trong các lĩnh vực, trong đó có ngành lâm nghiệp, nhưng thực tế người phụ nữ vẫn chưa được hoàn toàn bình đẳng và công bằng như nam giới. Trong ngành lâm nghiệp, tuần tra và bảo vệ rừng là một công việc đòi hỏi có sức khỏe và thường phải đối đầu với những nguy hiểm trong quá trình tuần tra, đặc biệt trong việc xử lý các vụ vi phạm diễn ra trong rừng. Thực tế, hầu hết các vụ xử lý vi phạm lâm luật thường diễn ra ngoài hiện trường rừng, trên đường vận chuyển, buôn bán v.v., nên việc tham gia của phụ nữ thường bị hạn chế bởi tính chất công việc. Do vậy, nhìn nhận ở góc độ lồng ghép giới trong ngành lâm nghiệp cần có cách nhìn tổng thể vì hầu hết công tác tuần tra, bảo vệ rừng cũng như xử lý các vi phạm tại hiện trường đều do nam giới đảm nhận, phụ nữ thường chỉ hỗ trợ trong việc cung cấp thông tin và đảm nhận các công việc văn phòng.



Nguồn: lambinh.tuyenquang.gov.vn

3.3. QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Trong lâm nghiệp, phần lớn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) của các hộ gia đình cho đến nay đều đứng tên chồng, phần ít tên người vợ được đưa vào, đặc biệt thường nhận thấy ở người dân tộc thiểu số. Một số khảo sát, nghiên cứu đã xem xét, đánh giá về khía cạnh giới trong quá trình giao đất, bao gồm cả tỷ lệ sổ đỏ của các hộ gia đình có tên của cả chồng và vợ hoặc chỉ có chồng theo quy định của pháp luật kể từ năm 2003 (Bộ NN & PTNT 2006; Hoang et al 2013; Wells-Dang 2013; ICRW 2015; SRD & FERN 2020). Ví dụ, kết quả điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS 2014) cho thấy đối với đất không phải thổ cư ở khu vực nông thôn, khoảng một nửa số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay còn gọi là sổ đỏ (48,2%) có tên vợ, trong đó chỉ có 35,5% đứng tên cả vợ và chồng, và 12,9% chỉ đứng tên vợ, và khoảng 41,6% chỉ có tên chồng.

Bảng 2: Tổng hợp một số chỉ tiêu liên quan đến giới trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Việt Nam

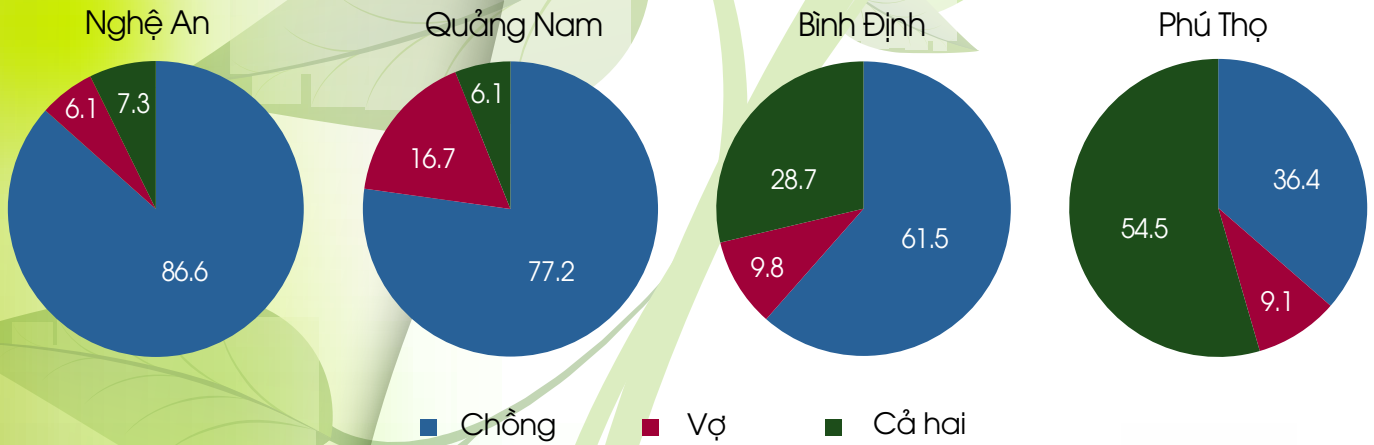
TT	GCNQSDD (Sổ đỏ)	Tổng (%)	Đô thị (%)	Nông thôn (%)	Kinh (%)	Dân tộc thiểu số (%)	Hộ nghèo (%)	Hộ bình thường (%)
1.	Đất ở							
1.1	Sổ đỏ tên 2 vợ chồng	41.3	45.8	39.4	41.5	40.0	37.3	41.7
1.2	Sổ đỏ chỉ tên chồng	32.2	24.6	35.3	31.4	31.4	32.7	32.1
1.3	Sổ đỏ chỉ tên vợ	17.2	20.8	15.6	18.0	10.8	17.2	17.2
2.	Đất khác							
2.1	Sổ đỏ tên 2 vợ chồng	35.7	39.3	35.3	35.0	37.7	37.1	35.4
2.2	Sổ đỏ chỉ tên chồng	41.1	36.3	41.6	40.8	41.8	40.1	41.2
2.3	Sổ đỏ chỉ tên vợ	13.0	14.3	12.9	14.9	7.4	11.5	13.3

Nguồn: GSO, Điều tra mức sống các hộ gia đình Việt Nam (VHLSS 2014)

Theo một nghiên cứu của Trung tâm Phát triển Nông thôn bền vững (SRD) về quyền hưởng dụng đất lâm nghiệp tại 4 tỉnh: Nghệ An, Bình Định, Quảng Nam và Phú Thọ cũng chỉ ra rằng 64% hộ gia đình được phỏng vấn có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp do chồng đứng tên, 25% do cả vợ và chồng đứng tên và 11% do vợ hoặc các thành viên khác trong gia đình đứng tên. Một khảo sát năm 2013 của chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) về quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ (bao gồm đất thổ cư, đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp) ở 10 tỉnh cho thấy rằng trong số 1.250 hộ gia đình được phỏng vấn thì chỉ có 22% hộ gia đình đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có tên cả 2 vợ chồng và 18% hộ gia đình đăng ký dưới tên vợ.

Trong bối cảnh quản lý đất đai, các hành vi phân biệt đối xử đối với phụ nữ là phổ biến, đặc biệt là trong các cộng đồng lâm nghiệp ở nông thôn. Quá trình giao đất được quản lý bởi chính quyền tỉnh, những người có thể bị ảnh hưởng bởi các tập quán thông thường mang nặng định kiến giới. Hơn nữa, phụ nữ thường không được thừa kế đất đai vì sau khi kết hôn họ chuyển đến nhà chồng của họ.

Phụ nữ không sở hữu đất đai và tên của họ thường không được đăng ký trên giấy chứng nhận sử dụng đất, nên họ phải đối mặt với những rủi ro lớn trong các trường hợp tranh chấp đất đai, ly hôn và phân chia tài sản. Cũng do định kiến về phụ nữ nên nhiều gia đình, nhất là các gia đình vùng nông thôn vai trò của phụ nữ cũng không được quan tâm bình đẳng theo đúng nghĩa (Phần lớn bố mẹ phân chia tài sản đất đai cho con thì con gái bao giờ cũng được phần ít hơn). Cũng do định kiến về giới phụ nữ cũng ít khi đấu tranh cho quyền lợi của bản thân trong gia đình



Hình 3. Chủ sở hữu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp

Nguồn: SRD, 2019

3.4. THAM GIA TRONG TRỒNG RỪNG

Trong trồng rừng, phụ nữ chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc vườn ươm và sản xuất cây giống, việc thu hoạch và dọn thực bì do nam giới thực hiện. Trong khi đó, các công việc khác như trồng cây, tỉa thưa và tỉa cành do cả phụ nữ và nam giới đảm nhận (Bộ NN & PTNT 2006; FAO & RECOFTC 2015). Đối với việc thu hái và sử dụng lâm sản từ rừng tự nhiên, vai trò kinh tế của phụ nữ thường gắn với việc đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng của hộ gia đình (ví dụ như chất đốt và thực phẩm hoang dã) và bán các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ từ rừng tại các chợ địa phương, trong khi vai trò của nam giới là gắn kết nhiều hơn với việc khai thác gỗ và các sản phẩm ngoài gỗ có giá trị hơn cho mục đích thương mại (Chương trình REDD+ của LHQ 2013; FAO & RECOFTC 2015). Một số nghiên cứu đánh đồng các kiểu phân công lao động và sự khác biệt kinh tế với các chuẩn mực văn hóa nhằm củng cố niềm tin rằng lâm nghiệp chủ yếu là lĩnh vực của nam giới và công việc của phụ nữ chỉ có tầm quan trọng thứ yếu (FAO & RECOFTC 2015).

3.5. SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN GỖ

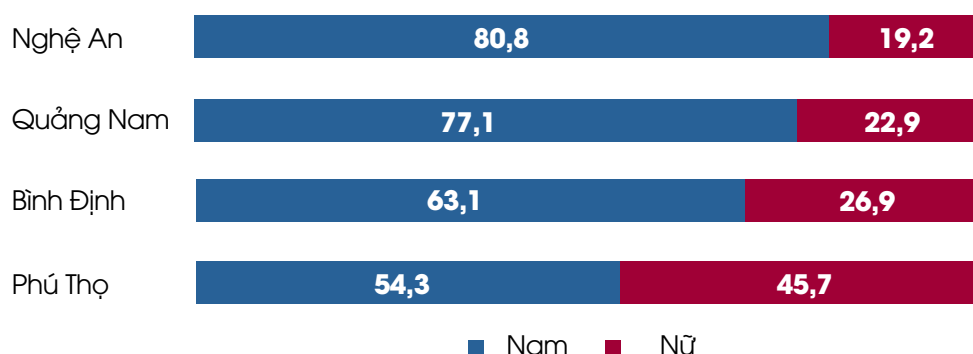
Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình chuẩn bị cho việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Khi VPA/FLEGT được thực thi thì gỗ và các sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ của Việt Nam dù bán ra thị trường trong nước hay thị trường quốc tế đều sẽ được áp dụng. Hiệp định VPA/FLEGT được kỳ vọng sẽ góp phần mang lại các lợi ích thiết thực về kinh tế, môi trường và xã hội cho Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định và việc thực thi nghiêm ngặt pháp luật theo yêu cầu của VPA sẽ có tác động tiêu cực đến các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó, nam giới và phụ nữ có thể chịu ảnh hưởng khác nhau. Do đó, cần phải cân nhắc lồng ghép giới trong việc thực hiện hiệp định ở Việt Nam.



Nguồn: vnahel.vn

Năm 2019, theo số liệu thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp (VNFOREST), Việt Nam có khoảng 5.400 doanh nghiệp chế biến gỗ, trong đó các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm 93,8%. Trong số 500.000 công nhân làm việc trong lĩnh vực này, 55 - 60% là lao động dài hạn có tay nghề cao và 40-45% là lao động ngắn hạn có tay nghề thấp. Nhóm lao động ngắn hạn thường làm việc ít hơn bảy tháng mỗi năm theo quy định của Luật Lao động. Các doanh nghiệp chế biến gỗ thường sử dụng cả lao động dài hạn và lao động ngắn hạn dựa trên các công việc cụ thể và các kỹ năng liên quan.

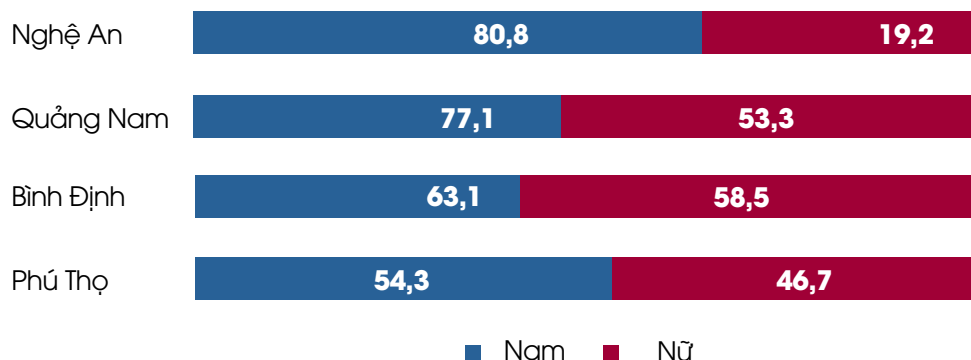
Năm 2018, theo kết quả khảo sát của Trung tâm Phát triển Nông thôn bền vững thực hiện tại 36 doanh nghiệp chế biến gỗ tại 4 tỉnh (Nghệ An, Quảng Nam, Bình Định và Phú Thọ) đối với những doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô vừa và nhỏ cho thấy lao động dài hạn là nam giới chiếm 65%, nhiều hơn so với tỷ lệ nữ giới trong lĩnh vực này.



Hình 4. Cơ cấu lao động dài hạn trong các doanh nghiệp chế biến gỗ nhỏ và siêu nhỏ theo giới tính (tính theo %)

Nguồn: SRD, 2019

Đối với các công việc ngắn hạn trong chế biến gỗ, dữ liệu chỉ ra rằng phụ nữ đảm nhiệm nhiều hơn. Trong số 4 tỉnh, lao động ngắn hạn là nữ giới ở các tỉnh Quảng Nam và Bình Định nhiều hơn so với các tỉnh khác.



Hình 5. Cơ cấu lao động ngắn hạn trong các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ theo giới tính (tính theo tỷ lệ %)

Nguồn: SRD, 2019

Theo ý kiến của doanh nghiệp, họ lo ngại việc tuyển dụng lâu dài đối với lao động nữ do phụ nữ thường phải nghỉ thai sản, không thể làm được những công việc đòi hỏi sức khỏe và ở các vùng nông thôn, phụ nữ thường phải đảm nhiệm hầu hết các công việc gia đình nên thời gian làm việc cần phải linh hoạt hơn. Do đó, nữ giới thường được tuyển dụng cho các công việc ngắn hạn, có tay nghề thấp. Các công việc này có nguy cơ chịu rủi ro cao nhất khi thực hiện VPA. Bên cạnh đó, phụ nữ cũng ít được tham gia các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ, điều này khiến họ hiếm khi được giữ vai trò quan trọng và chủ động trong công việc cũng như sẽ phải chịu nhiều rủi ro hơn khi có sự thay đổi trong ngành sản xuất, chế biến gỗ.

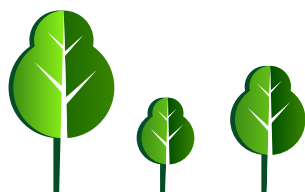


3.6. TRONG ĐÀO TẠO

Do lâm nghiệp là ngành đặc thù, đối tượng tác động là rừng có phân bố không gian rộng và khó tiếp cận, đây cũng là bất lợi trong việc thu hút nữ sinh viên theo học các chương trình đào tạo về lâm nghiệp. Theo thống kê của Trường Đại học Lâm nghiệp thì hàng năm số lượng nữ sinh nhập trường chiếm tỷ lệ khoảng 25-30% tổng số sinh viên. Một số ngành hầu như không có nữ sinh viên như ngành chế biến gỗ, lâm sinh, quản lý và bảo vệ rừng. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học có nguyện vọng vào học tại các trường đại học, cao đẳng lâm nghiệp cũng rất thấp. Chính vì vậy mà vai trò của phụ nữ trong ngành không được đánh giá cao, ít được đánh giá đúng mức. Tỷ lệ lãnh đạo là nữ trong ngành lâm nghiệp cũng rất thấp. Tổng cục Lâm nghiệp (VNFOREST) có 14 là đơn vị trực thuộc tương đương cấp vụ, nhưng chỉ có 01 vụ trưởng là nữ (chiếm 7% hay 1/14).



IV. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH NHẪM TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG QUẢN TRỊ RỪNG



Bình đẳng giới có nghĩa là tạo cơ hội như nhau cho cả nam giới và nữ giới về quyền lợi, sự tham gia và trách nhiệm trong tiếp cận nguồn lực và hưởng lợi từ tài nguyên rừng. Để từng bước đạt được bình đẳng giới trong ngành lâm nghiệp, một số vấn đề sau đây cần phải được quan tâm trong quá trình xây dựng và thực thi các chính sách liên quan:



• Lồng ghép giới đã được đưa vào trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nói chung và của ngành lâm nghiệp nói riêng, nhưng cần phải làm rõ hơn vai trò của phụ nữ trong các vấn đề cụ thể như tham gia vào công tác quy hoạch sử dụng đất, tham gia vào quá trình sản xuất, và quá trình đưa ra quyết định.... Như vậy, các chính sách có thể thực hiện được mục tiêu bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù của mỗi giới; tạo cơ hội phát triển như nhau nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; Để thực hiện được mục tiêu này thì trong quá trình xây dựng các văn bản pháp luật, các phương án quy hoạch bắt buộc phải có ý kiến và tiếng nói của nữ giới trước khi các văn bản được ban hành.



• Cung cấp hướng dẫn rõ ràng và dễ sử dụng về cách thức lồng ghép vấn đề giới trong chính sách quản trị rừng, đặc biệt liên quan đến biến đổi khí hậu, cho các nhà hoạch định chính sách, các bên liên quan khác;



• Cần có chính sách khuyến khích phụ nữ tham gia STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học) góp phần nâng cao năng lực của phụ nữ về áp dụng công nghệ trong quản trị rừng và thương mại gỗ bền vững. Điều này ngày càng trở nên thiết yếu trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó đòi hỏi người phụ nữ cần phải tiếp cận và làm chủ công nghệ;



• Đối thoại và trao đổi giữa các cơ quan ở các cấp (trung ương và địa phương) về sự tham gia người phụ nữ vào các hoạt động từ xây dựng chính sách và thực thi chính sách cần được thường xuyên tổ chức;



• Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới là một trong những mục tiêu chính của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, tăng cường truyền tải mối liên hệ giữa quản trị rừng và giới, cũng như vai trò của rừng đối với mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu;



• Nâng cao nhận thức giới cho cộng đồng nhằm nâng cao hiểu biết cho phụ nữ ở khu vực nông thôn về các quyền của họ và xây dựng thái độ tích cực đối với quyền sử dụng đất của người dân địa phương. Các bên liên quan có thể hợp tác thông qua các tổ chức đoàn thể ở địa phương như Hội Liên hiệp phụ nữ trong việc đào tạo các giảng viên nguồn (TOT- Training of Trainers) và các chiến dịch nâng cao nhận thức để có thể tiếp cận hiệu quả với người dân địa phương, đặc biệt là phụ nữ đang sống và phụ thuộc vào rừng.



• Việc hỗ trợ phụ nữ cần được thực hiện một cách cụ thể tránh tình trạng hô hào chung chung, do vậy đề nghị Nhà nước, Bộ Giáo dục Đào tạo cần có chính sách khuyến khích sinh viên thi vào các trường thuộc khối nông lâm nghiệp bằng các chương trình học bổng riêng cho nữ sinh các trường cao đẳng, đại học để khi tốt nghiệp họ là những nòng cốt đóng góp vào quá trình đem lại công bằng, bình đẳng cho phụ nữ trong tương lai.



• Hiện nay khi nói đến bình đẳng giới, mọi người mới chỉ dừng ở mức đấu tranh cho nữ giới, trong khi khái niệm về bình đẳng giới rộng hơn nhiều. Thực tế có nhiều khái niệm và hiểu biết khác nhau về bình đẳng giới nên để đảm bảo được sự bình đẳng giới cần có các tiêu chí cụ thể, qua đó có thể giám sát, đánh giá thường xuyên về mức độ bình đẳng giới không chỉ trong khu vực mà cả phạm vi toàn cầu, đặc biệt trong các chiến lược quản trị rừng bền vững.



V. KẾT LUẬN

Vai trò của phụ nữ trong ngành lâm nghiệp thường bị giới hạn trong các hoạt động có giá trị thấp và họ thường là các lao động ngắn hạn không có kỹ năng trong các hoạt động quản trị rừng. Phụ nữ thường không được hưởng các lợi ích của người lao động, phải chịu sự bất bình đẳng trong chính sách, có ít cơ hội đưa ra tiếng nói trong quá trình đưa ra quyết định cũng như được nâng cao năng lực và chuyên môn trong lĩnh vực lâm nghiệp nói riêng và các ngành nghề khác nói chung.

Để giải quyết và giảm thiểu bất bình đẳng đối với phụ nữ, các chính sách của ngành Lâm nghiệp cần tạo ra những thay đổi đáng kể nhằm giúp cho phụ nữ được hưởng lợi từ việc nâng cao nhận thức, công bằng trong sử dụng tài nguyên và có tiếng nói trong quá trình đưa ra quyết định trong lĩnh vực quản trị rừng bền vững.



VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. FAO. (2013). Forests, food security and gender: linkages, disparities and priorities. Retrieved from <http://www.fao.org/3/mg488e/mg488e.pdf>
2. FAO. (2016). Gender in Forestry. Retrieved from <http://www.fao.org/sustainable-forest-management/toolbox/modules/gender-in-forestry/tools/en/?type=111>
3. FAO. (2017). Women in forestry: challenges and opportunities. Retrieved from <http://www.fao.org/3/ai3924e.pdf>
4. <https://www.icrw.org/publications/women-land-and-law-in-vietnam>
5. Nguyen, T. H. and Vu, T. B. H. (2019). Gender issues in forestry: key findings from a VPA impact monitoring baseline survey. Retrieved from http://vnngo-cc.vn/upload/Land_use_right_.pdf
6. Government of Viet Nam (2012). National strategy on gender equality 2011 – 2020. Retrieved from <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/English/strategies/strategiesdetails?categoryId=30&articleId=1005092423>
7. CIFOR (2012). Bối cảnh REDD+ tại Việt Nam. Retrieved from https://www.cifor.org/publications/pdf_files/OccPapers/OP-77.pdf
8. PanNature (2018) tập huấn lồng ghép giới trong lâm nghiệp, <https://nature.org.vn/vn/2018/12/tap-huan-long-ghep-gioi-trong-lam-nghiep/>
9. Government of Viet Nam (2020), Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/quyet-dinh-523-qd-ttg-chien-luoc-phat-trien-lam-nghiep-viet-nam-2021-2030-200559-d1.html>
10. Luật lâm nghiệp 2017, <https://luatvietnam.vn/nong-nghiep/luat-lam-nghiep-2017-118853-d1.html>
11. Hội thảo: Thực thi Luật BV&PTR ở Việt Nam – Một số phát hiện và khuyến nghị từ cộng đồng: <https://forlandvn.wordpress.com/category/du-an-theo-van-de/long-ghep-gioi-trong-luat-bvpt-rung/>
12. Lồng ghép giới vào REDD+ Những thông tin chia sẻ từ Chương trình Giảm phát thải từ rừng ở khu vực Châu Á (LEAF), https://www.leafasia.org/sites/default/files/resources/LEAF-s-presentation-Vietnam-Gender-workshop_VN.pdf
13. Website: <https://baodansinh.vn/long-ghep-gioi-trong-cac-chinh-sach-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-20200611150144806.htm>
14. Website: <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/nghe-quyet-28-nq-cp-chien-luoc-quoc-gia-ve-binh-dang-gioi-giai-doan-2021-2030-199301-d1.html>

